

Bản án số: **15/2024/HS-ST**

Ngày 22 - 01 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Viết Tuấn – Phó Chủ tịch Hội Chữ Thập Đỏ Quận 8.
2. Bà Đặng Thị Huê – Giáo viên, Cán bộ hưu trí Phường 10, Quận 8.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 289/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Quốc T; sinh ngày 22/10/2006; tại Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 02 tháng 23 ngày); nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: B V, phường C, Quận A, Thành phố H ở: D T, Khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Mai T1; cha: Không rõ; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 29/11/2021, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 tháng 18 ngày tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo bản án số: 152/2021/HS-ST). Bị cáo được trả tự do tại phiên tòa do mức hình phạt bằng thời hạn tạm giam.

- Ngày 10/8/2022, Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản” và dương tính với ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q chuyển đối tượng về Công an phường T, Quận G để lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2023 đến nay. (có mặt)

2. Trần Lê Hoàng N; sinh ngày 15/6/2008; tại Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 14 tuổi 06 tháng 30 ngày); nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: E T, Phường A, Quận D, Thành phố H ở: 1041/80/15/7 T, Khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Giữ xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thúy A; cha: Không rõ; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến nay. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Quốc T2:* Bà Trần Mai T1, sinh năm 1981; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: B V, phường C, Quận A, Thành phố H ở: D T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh), là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Lê Hoàng N1:* Bà Trần Thúy A, sinh năm 1990; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: E T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1041/80/15/7 T, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh), là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc T2:* Ông Huỳnh Khắc T3, sinh năm 1976 – Luật sư thuộc Trung tâm T10. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Lê Hoàng N1:* Ông Chung Ngọc T4, sinh năm 1977 – Luật sư thuộc Trung tâm T10. (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Em Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 10/01/2009 (thời điểm bị thực hiện hành vi phạm tội, bị hại 14 tuổi 04 ngày); (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại M: Bà Lê Thị Kim N2, nơi cư trú: 2 Hậu Giang, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, là mẹ ruột của bị hại. (vắng mặt)

2. Chị Bùi Phương T5, sinh năm 1994; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: F Hồ N, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: D P, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Trần Thúy A, sinh năm 1990; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: E T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1041/80/15/7 T, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 14/01/2023, em Nguyễn Ngọc Kim T6 (sinh ngày 28/4/2008) điều khiển xe mô tô, biển số 59Y1-732-12 chở em Nguyễn Ngọc M (sinh ngày 10/01/2009) đến trước cửa hàng T11 (địa chỉ: A C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Minh). Tiền dừng xe và đi vào trong cửa hàng để mua đồ còn em M đang ngồi trên xe sử dụng điện thoại hiệu Iphone 6 Plus thì bị Trần Quốc T2 điều khiển xe mô tô, biển số 59C3-27520 chở Trần Lê Hoàng N1 từ phía sau áp sát bên trái em M rồi N1 dùng tay phải giật chiếc điện thoại em M đang sử dụng. T2 tăng ga chở N1 bỏ chạy nên em T6 và em M vừa điều khiển xe đuổi theo vừa tri hô “cướp, cướp” nhưng không đuổi kịp. Sau đó, em T6 dùng điện thoại cá nhân để định vị chiếc điện thoại vừa bị cướp giật thì phát hiện chiếc điện thoại trên đang ở giao lộ hẻm I T, phường T, Quận G. Em T6 và em M chạy xe đến địa chỉ trên thì phát hiện N1 và T2 nên tri hô người dân xung quanh hỗ trợ bắt giữ hai đối tượng đưa về trụ sở Công an Q.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Quận G, Trần Lê Hoàng N1 và Trần Quốc T2 khai nhận:

Do cần tiền tiêu xài, khoảng 17 giờ 20 phút, ngày 14/01/2023, Trần Lê Hoàng N1 nhắn tin rủ Trần Quốc T2 đi cướp giật tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài thì T2 đồng ý. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, N1 điều khiển xe mô tô, biển số 59C3-275.20 đến nhà T2 tại số D T, phường T, Quận G. T2 điều khiển xe mô tô trên chở N1 đi tìm tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đến trước cửa hàng T11 (địa chỉ: A C, Phường D, Quận H), Nam thấy em Nguyễn Ngọc M đang ngồi sử dụng điện thoại trên xe mô tô, biển số 59Y1-732.12 thì N1 kêu T2 điều khiển xe quay lại để giật chiếc điện thoại của em M. Thực hiện ý định, T2 điều khiển xe quay lại và áp sát vào bên trái em M còn N1 dùng tay phải giật chiếc điện thoại của em M. Sau đó, T2 tăng ga điều khiển xe chở N1 chạy về khu vực phường T, Quận G và bị bắt giữ như trên. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 để điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 30/01/2023, Hội đồng định giá tài sản theo tổ tụng Quận H kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 128Gb, màu vàng, số IMEI: 354387061236595 có trị giá là 950.000 đồng.

Đối với Trần Lê Hoàng N1, ngoài hành vi phạm tội nêu trên thì vào ngày 14/5/2023, N1 còn thực hiện hành vi cướp giật tài sản trên địa bàn Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

Vào khoảng 20 giờ, ngày 14/5/2023, Trương Văn N3 điều khiển xe gắn máy, biển số 59N3-276.21 chở Trần Lê Hoàng N1 đi trên nhiều tuyến đường trong địa bàn Quận D tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đi đến đối diện số C B, Phường A, Quận D, N1 phát hiện phía trước cùng chiều có anh Nguyễn Xuân T7 đang dừng xe gắn máy bên lề đường, chị Bùi Phương T5 (vợ anh T7) đang ngồi trên xe và sử dụng điện thoại hiệu Iphone 11 màu xanh. N1 rủ T7 cướp giật điện thoại của chị T5 thì N3 đồng ý và chạy xe áp sát bên trái xe của anh T7 rồi N1 dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị T5. Sau đó, N3 tăng ga tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, Nam tháo sim chiếc điện thoại vừa cướp giật được. Khi cả hai chạy đến trước số A T, phường T, Quận G thì bị Tổ công tác 363 Công an Q yêu cầu dừng xe để kiểm tra. N3 và N1 khai nhận sự việc cướp giật điện thoại nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2023, Hội đồng định giá tài sản theo tổ tụng Quận D kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh, số IMEI: 352681235683530 có trị giá là 4.900.000 đồng.

Đồ vật, tài liệu, vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô, biển số 59C3-275.20 có số khung, số máy không đổi. Qua điều tra, xe mô tô trên do anh Phạm Chí T8 đứng tên chủ sở hữu. Tháng 11/2022, anh T8 bán lại xe trên cho chị Trần Thúy A (mẹ ruột của Trần Lê Hoàng N1) nhưng không làm thủ tục sang tên. Qua xác minh, ngày 14/01/2023, chị A để xe mô tô ở nhà thì N1 tự ý lấy xe đi. Việc N1 dùng xe mô tô trên đi cướp giật tài sản, chị A không biết. Ngày 13/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc xe trên cho chị A.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng thuộc sở hữu của em Nguyễn Ngọc M. Ngày 13/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc điện thoại trên cho em M.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A8, màu xanh tím, qua xác minh thuộc sở hữu của em Trần Mai T9 (em ruột của Trần Quốc T2). Việc T2 lấy điện thoại trên để bàn bạc việc cướp giật tài sản, em T9 không biết. Ngày 13/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc điện thoại trên cho em T9.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh là tài sản hợp pháp của chị Bùi Phương T5. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc điện thoại trên cho chị T5.

- 01 áo thun ngắn tay màu trắng có viền đen trên 02 cánh tay, 01 quần Jean dài màu xanh của Trần Lê Hoàng N1.

Về trách nhiệm dân sự: Em Nguyễn Ngọc M và chị Bùi Phương T5 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKS-Q8 ngày 20/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Quốc T2 và Trần Lê Hoàng N1 về tội “Cướp giật tài sản”, theo các điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Quốc T2, Trần Lê Hoàng N1 về tội “Cướp giật tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị như sau:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Trần Quốc T2 từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm o, g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Trần Lê Hoàng N1 từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 áo thun ngắn tay màu trắng có viền đen trên 02 cánh tay, 01 quần Jean dài màu xanh của Trần Lê Hoàng N1.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc T2 trình bày quan điểm bào chữa như sau: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo Trần Quốc T2. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cần xem xét để được khoan hồng như: Khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức chưa đúng đắn, đầy đủ; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ không sống chung nên bị cáo không được sự dạy dỗ, giáo dục đầy đủ; bị cáo không được học hành nên nhận thức thấp, vì nghe lời bạn bè rủ rê, xúi giục mà tụ tập đi cướp giật tài sản bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình gây ra; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi để trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định mức hình phạt khoan hồng nhất cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và sớm hòa nhập cộng đồng, làm công dân có ích cho xã hội, như vậy cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Lê Hoàng N1 trình bày quan điểm bào chữa như sau: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo Trần Lê Hoàng N1. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cần xem xét để được khoan hồng như: Khi phạm tội, bị cáo là người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nên nhận thức chưa đúng đắn, đầy đủ; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; cha mẹ bị cáo không sống chung nên bị cáo không được sự dạy dỗ, giáo dục từ cha; bị cáo học hành đang dở nên nhận thức thấp, vì nghe lời bạn bè rủ rê, xúi giục mà tụ tập đi cướp giật tài sản bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình gây ra. Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi để trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định mức hình phạt khoan hồng nhất cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và sớm hòa nhập cộng đồng, làm công dân có ích cho xã hội, như vậy cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo không bổ sung ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt khoan hồng nhất cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và sớm hòa nhập cộng đồng làm công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 14/01/2023, tại trước cửa hàng T11 (địa chỉ: A C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Trần Quốc T2 điều khiển xe mô tô biển số 59C3-275.20 chở bị cáo Trần Lê Hoàng N1 thực hiện hành vi công khai chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, trị giá 950.000 đồng của em Nguyễn Ngọc M rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Ngày 14/5/2023, bị cáo Trần Lê Hoàng N1 cùng Trương Văn N3 tiếp tục thực hiện hành vi công khai chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh, trị giá 4.900.000 đồng của chị Bùi Phương T5 tại đối diện số C B, Phường A, Quận D rồi nhanh chóng tẩu thoát.

[3] Các bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện phạm tội, nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Thời điểm bị chiếm đoạt tài sản, bị hại Nguyễn Ngọc M là người chưa đủ 16 tuổi, do đó hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội “*Đối với người dưới 16 tuổi*”.

Các tình tiết “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”, phạm tội “*Đối với người dưới 16 tuổi*” nêu trên là các tình tiết định tội, định khung hình phạt của tội “Cướp giật tài sản”.

[4] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Trần Quốc T2, Trần Lê Hoàng N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo được quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Ngoài lần phạm tội cùng bị cáo T2, ngày 14/5/2023, bị cáo N1 còn thực hiện hành vi sử dụng xe gắn máy công khai chiếm đoạt tài sản của bị hại Bùi Phương T5 tại đối diện số C B, Phường A, Quận D. Do đó, hành vi của bị cáo N1 được xác định là “*phạm tội 02 lần trở lên*”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Bị cáo Trần Lê Hoàng N1 rủ rê bị cáo Trần Quốc T2 là người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự “*xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Bị cáo Trần Quốc T2 đã từng bị kết án hình sự, mặc dù không coi là án tích nhưng khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

[9] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[10] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đồng phạm nhưng mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo N1 là người rủ rê và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Bị cáo T2 với vai trò đồng phạm là người điều khiển xe gắn máy chở bị cáo N1 đi cướp giật tài sản. Do đó khi lượng hình, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò từng bị cáo.

[11] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[12] Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Quốc T2 là người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, bị cáo Trần Lê Hoàng N1 là người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, do đó Hội đồng

xét xử áp dụng các điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[13] Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo Trần Quốc T2 và Trần Lê Hoàng N1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[14] Lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Trần Quốc T2 và Trần Lê Hoàng N1 về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[15] Về xử lý vật chứng: Tài sản do các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 02 chiếc điện thoại di động đã được Cơ quan điều tra xử lý bằng hình thức trả lại cho các bị hại. Các bị hại không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] 01 đĩa VCD lưu trữ dữ liệu ghi lời khai bị cáo N1 tại Cơ quan điều tra Công an Q2 được lưu kèm hồ sơ nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Các vật chứng tạm giữ của bị cáo Trần Lê Hoàng N1 gồm 01 áo thun ngắn tay màu trắng có viền đen trên 02 cánh tay, 01 quần Jean dài màu xanh. Đây là đồ vật có liên quan đến hành vi phạm tội, xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[17] Đối với Trương Văn N3 là đồng phạm với bị cáo N1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 đã ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam. Qua xác minh, hiện N3 không có mặt ở nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 đã tách vụ án tạm đình chỉ điều tra, ra Quyết định truy nã, đồng thời tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tiếp tục khẩn trương điều tra và xử lý nghiêm minh đối với Trương Văn N3 theo quy định pháp luật.

[18] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại các điều 12, 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Trần Quốc T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Lê Hoàng N1 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T2 03 (ba) năm tù, về tội “Cướp giật tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2023.

- Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 91, khoản 2 Điều 101 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Lê Hoàng N1 03 (ba) năm tù, về tội “Cướp giật tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/8/2023.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun ngắn tay màu trắng có viền đen trên 02 cánh tay, 01 quần Jean dài màu xanh.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2024).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Quốc T2 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo Trần Quốc T2, Trần Lê Hoàng N1; người bào chữa cho các bị cáo Trần Quốc T2, Trần Lê Hoàng N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc